

,

600665

2009-020

1

2009 Y

--

,

à

à

1 2009

Y

2009

9

1

£

27

1

Â

2

407,114,900

1

56.54% Â

ê

1 ì ê

1 ì

Â 1

Y à Y

Y £

/

Y

ÿ Â

Y à

1

Ю '

1 à

1 2009

,

1

407,114,900

100.0000

,

0

0.0000

,

0

0.0000

Â

2 à

1 2009

Y £

,

1

407,114,900

100.0000

,

0

0.0000

,

0

0.0000

Â

Б à

Y £

Â

й'

à

ê 1

ì

,

à

,

ê 1 ì

ì

ê

1. $\hat{A}$ là một toán tử tuyến tính, liên tục, tự liên hợp, dương định nghĩa, và có giá trị riêng thực.
 2. $\hat{A}$ là một toán tử tuyến tính, liên tục, tự liên hợp, dương định nghĩa, và có giá trị riêng thực.
 3. $\hat{A}$ là một toán tử tuyến tính, liên tục, tự liên hợp, dương định nghĩa, và có giá trị riêng thực.
 4. $\hat{A}$ là một toán tử tuyến tính, liên tục, tự liên hợp, dương định nghĩa, và có giá trị riêng thực.

$\hat{A}$

$\gamma \circ \circ$